TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bữu Hòa

2. Bà Lê Thị Cúc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:77/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số:51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1988 (Vắng mặt lần 2);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2022 và quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Hồng N là nguyên đơn trình bày: Chị và Anh Nguyễn Quốc Đ tự quen biết tìm hiểu với nhau vài tháng trong thời gian đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã V, huyện N, tỉnh C vào ngày

05/10/2009. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại thành phố Hồ Chí Minh tới khi sinh con chung Nguyễn Quốc K thì về nhà mẹ ruột của anh Đ tại ấp N, xã N chung sống được khoảng 01 tháng rồi về nhà cha mẹ ruột của chị N tại xã V, huyện N, tỉnh C chung sống được một thời gian ngắn sau đó anh Đ trở về nhà mẹ ruột hứa sẽ đón rước chị về chung sống nhưng anh Đ không quay về và sống ly thân với chị từ năm 2009 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Quốc Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc K, sinh ngày 20/5/2009, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp hòa giải Anh Nguyễn Quốc Đ đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Quốc Đ vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định, đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, riêng bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung với nhau không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay thời gian đã khá lâu, nhưng hai người không có cơ hội hàn gắn tình cảm và hạnh phúc lại được. Về hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N. Về con chung: Hiện tại cháu Nguyễn Quốc K đang chung sống với chị N, đồng thời có nguyện vọng được sống chung với chị N. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do không làm việc được với anh Đ nên anh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thụ lý, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn Anh Nguyễn Quốc Đ vắng mặt đến lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay Anh Nguyễn Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Đ.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và Anh Nguyễn Quốc Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2009, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống chị N cho rằng vợ chồng sống chung với nhau không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do anh Đ tự quay trở về nhà mẹ ruột anh Đ tại ấp N, xã N sống ly thân với chị từ năm 2009 cho đến nay, bản thân chị từ khi ly thân cũng không liên lạc với anh Đ. Trong thời gian ly thân anh Đ cũng không liên lạc với chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc chị N và con chung. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên hòa giải tạo điều kiện để anh chị hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến, tại phiên tòa hôm nay anh Đ cũng vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh Đ không có thiện chí mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại với chị N. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh về mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ thì bà Nguyễn Thị Thu H là mẹ ruột của anh Đ xác nhận giữa chị N và anh Đ chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống đã không còn chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt bà có nhận thay và thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ cho rằng không còn tình cảm với chị N không muốn hàn gắn đoàn tụ lại. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của chị N và anh Đ không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[3] Về con chung: Hiện tại con chung Nguyễn Quốc K, sinh ngày 20/5/2009 đang sống với chị N, được chị N chăm lo cho đi học, bản thân chị N có thu nhập hàng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, đồng thời con chung Nguyễn Quốc K có nguyện vọng được sống chung với chị, nếu giao cho chị Nnuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu K, nên giao con chung cho chị N được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Quốc Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Anh Nguyễn Quốc Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có, không yêu cầu. Anh Đ có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với Anh Nguyễn Quốc Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc K sinh ngày 20/5/2009 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu

Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Anh Nguyễn Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có, không yêu cầu. Anh Đ có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008918 ngày 28/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Đã ký